

Số: 23 /2016/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 05 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 454/TTr-STNMT ngày 29 tháng 6 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

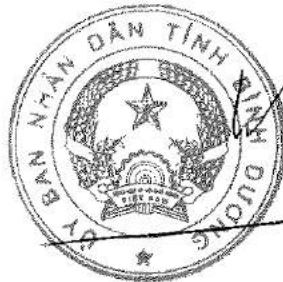
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ: TNMT, XD, NNPTNT, Tư pháp;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL;
- TT.TU, TT.HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- CT, các PCT, UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị, thành phố;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đài PTTH Bình Dương, Báo Bình Dương;
- TT. Công báo, Website Bình Dương;
- LĐVP, Tn, CV, TH;
- Lưu: VT. / 48

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Liêm

QUY ĐỊNH

Về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bình Dương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 22./2016/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về quản lý chất thải rắn bao gồm: chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn công nghiệp thông thường; chất thải rắn từ hoạt động xây dựng; bùn thải.

Quyết định này không quy định về quản lý chất thải nguy hại và chất thải y tế; nội dung quy định về quản lý chất thải nguy hại và chất thải y tế được tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chất thải và phế liệu (sau đây gọi tắt là Nghị định 38/2015/NĐ-CP), Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại (sau đây gọi tắt là Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT) và Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2015 giữa Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về quản lý chất thải y tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; tổ chức cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Chất thải* là vật chất được thải ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác.

2. *Chất thải rắn* là chất thải ở thể rắn hoặc sệt (còn gọi là bùn thải) được thải ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc các hoạt động khác.

3. *Chất thải nguy hại* là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, lây nhiễm, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây ngộ độc hoặc có đặc tính nguy hại khác.

4. *Chất thải thông thường* là chất thải không thuộc danh mục chất thải nguy hại hoặc thuộc danh mục chất thải nguy hại nhưng có yếu tố nguy hại dưới ngưỡng chất thải nguy hại.

5. *Chất thải rắn sinh hoạt* (còn gọi là rác sinh hoạt) là chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người và từ các nguồn sau: hộ gia đình; hộ kinh doanh nhỏ lẻ; trụ sở làm việc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, công an, quân đội; trường học, nhà trẻ; cơ sở kinh doanh, dịch vụ; bệnh viện, bến xe, bến tàu; công trình xây dựng.

6. *Chất thải rắn công nghiệp thông thường* là chất thải rắn thải ra từ cơ sở sản xuất bao gồm cả chất thải phát sinh từ các hoạt động của người lao động trong cơ sở.

7. *Chất thải rắn từ hoạt động xây dựng* là chất thải từ hoạt động đào đất, nạo vét lớp đất mặt, đào cọc móng; từ hoạt động cải tạo, phá dỡ công trình xây dựng; đất đá, chất thải rắn từ vật liệu xây dựng.

8. *Bùn thải* là bùn hữu cơ hoặc vô cơ được nạo vét, thu gom từ các bể tự hoại, mạng lưới thu gom và chuyển tải, hồ điều hòa, kênh mương, cửa thu, giếng thu nước mưa, trạm bơm nước mưa, nước thải, cửa xả và nhà máy xử lý nước thải đô thị.

9. *Quản lý chất thải* là quá trình phòng ngừa, giảm thiểu, giám sát, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải.

10. *Phân định chất thải* là quá trình phân biệt một vật chất là chất thải hay không phải là chất thải, chất thải nguy hại hay chất thải thông thường và xác định chất thải đó thuộc một loại hoặc một nhóm chất thải nhất định với mục đích để phân loại và quản lý trên thực tế.

11. *Phân loại chất thải* là hoạt động phân tách chất thải (đã được phân định) trên thực tế nhằm chia thành các loại hoặc nhóm chất thải để có các quy trình quản lý khác nhau.

12. *Vận chuyển chất thải* là quá trình chuyên chở chất thải từ nơi phát sinh đến nơi xử lý, có thể kèm theo hoạt động thu gom, lưu giữ (hay tập kết) tạm thời, trung chuyển chất thải và sơ chế chất thải tại điểm tập kết hoặc trạm trung chuyển.

13. *Xử lý chất thải* là quá trình sử dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật (khác với sơ chế) để làm giảm, loại bỏ, cô lập, cách ly, thiêu đốt, tiêu hủy, chôn lấp chất thải và các yếu tố có hại trong chất thải.

14. *Chủ nguồn thải* là các tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc điều hành cơ sở phát sinh chất thải.

15. *Khu công nghiệp* là tên gọi chung cho khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp.

16. *Cơ sở xử lý chất thải* là cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải (kể cả hoạt động tái chế, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải).

17. *Chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt* là tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

18. *Chủ xử lý chất thải* là tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc điều hành cơ sở xử lý chất thải.

19. *Giấy phép xử lý chất thải nguy hại* là giấy phép cấp cho chủ xử lý chất thải nguy hại để thực hiện dịch vụ xử lý, tái chế, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải nguy hại.

20. *Ủy ban nhân dân cấp huyện* là Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

21. *Ủy ban nhân dân cấp xã* là Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

22. *Hộ kinh doanh nhỏ lẻ* là hộ kinh doanh có sử dụng dưới mười lao động.

Điều 4. Nguyên tắc chung về quản lý chất thải

1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tăng cường áp dụng các biện pháp về tiết kiệm tài nguyên và năng lượng; sử dụng tài nguyên, năng lượng tái tạo và sản phẩm, nguyên liệu, năng lượng sạch thân thiện với môi trường; sản xuất sạch hơn; kiểm toán môi trường đối với chất thải và các biện pháp khác để phòng ngừa, giảm thiểu phát sinh chất thải.

2. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm phân loại chất thải tại nguồn nhằm mục đích tăng cường tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý và thu hồi năng lượng.

3. Việc đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải phải tuân thủ theo quy định pháp luật về xây dựng và pháp luật bảo vệ môi trường có liên quan.

4. Khuyến khích việc xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải và thu hồi năng lượng từ chất thải; việc đầu tư mới các cơ sở xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh theo hướng tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý thu hồi năng lượng, hạn chế tối đa việc chôn lấp chất thải.

5. Chi phí thu gom, vận chuyển xử lý chất thải rắn do chủ nguồn thải chi trả, nhà nước bù đắp một phần chi phí xử lý đối với việc vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

6. Hệ thống, mô hình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn phải được xây dựng theo nguyên tắc tách riêng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp nhằm đảm bảo các nguồn thải nhà nước bù đắp kinh phí và các nguồn thải do chủ nguồn thải chi trả toàn bộ kinh phí xử lý được tách riêng thành hai đường riêng biệt.

7. Hộ gia đình; hộ kinh doanh nhỏ lẻ; trụ sở làm việc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, công an, quân đội; trường học, nhà trẻ; bệnh viện, bến xe, bến tàu phát sinh chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm nộp phí vệ sinh theo quy định do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo nguyên tắc đảm bảo một phần chi phí dịch vụ thu gom, vận chuyển; phần chi phí vận chuyển, xử lý còn lại sẽ do tỉnh bù đắp từ nguồn ngân sách nhà nước.

8. Các cơ sở kinh doanh, dịch vụ (bao gồm các cửa hàng, nhà hàng kinh doanh ăn uống, khách sạn, doanh nghiệp kinh doanh; công trình xây dựng) phát sinh chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm nộp phí vệ sinh theo quy định do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo nguyên tắc từng bước tăng dần tiến tới đảm bảo thanh toán toàn bộ chi phí dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

9. Các cơ sở sản xuất phải thanh toán toàn bộ chi phí cho dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

10. Phương tiện vận chuyển chỉ được chở đúng dung tích hoặc trọng lượng như thiết kế ban đầu.

11. Khuyến khích áp dụng các công nghệ xử lý chất thải thân thiện với môi trường. Việc sử dụng chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải phải tuân theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUY HOẠCH QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN, ĐẦU TƯ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN

Điều 5. Nội dung quy hoạch quản lý chất thải rắn

1. Quy hoạch quản lý chất thải rắn là công tác điều tra, khảo sát, dự báo nguồn và tổng lượng phát thải các loại chất thải rắn; xác định vị trí, quy mô các điểm thu gom, trạm trung chuyển, tuyến vận chuyển và các cơ sở xử lý chất thải rắn; xác định phương thức thu gom, xử lý chất thải rắn; xây dựng kế hoạch và nguồn lực nhằm xử lý triệt để chất thải rắn.

2. Nội dung quy hoạch quản lý chất thải rắn:

a) Điều tra, đánh giá, dự báo các nguồn phát thải, thành phần, tính chất và tổng khối lượng các chất thải rắn thông thường và nguy hại;

b) Đánh giá khả năng phân loại tại nguồn và khả năng tái chế, tái sử dụng chất thải rắn;

c) Xác định vị trí, quy mô các điểm thu gom, trung chuyển, cơ sở xử lý chất thải rắn;

d) Xác định phương thức thu gom, tuyến đường vận chuyển chất thải rắn;

đ) Đề xuất các tiêu chí cần đạt được khi lựa chọn công nghệ xử lý chất thải rắn;

e) Xây dựng kế hoạch và nguồn lực thực hiện để đảm bảo thu gom, phân loại, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý tất cả các loại chất thải rắn.

g) Quy hoạch quản lý chất thải rắn được lập cho giai đoạn 10 (mười) năm, 20 (hai mươi) năm hoặc dài hơn tùy theo giai đoạn lập quy hoạch xây dựng.

3. Hồ sơ quy hoạch quản lý chất thải rắn phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 6. Đầu tư quản lý chất thải rắn

1. Nội dung đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn:

a) Đầu tư xây dựng toàn bộ hoặc từng hạng mục công trình thuộc cơ sở xử lý chất thải rắn;

b) Mua sắm công nghệ, trang thiết bị, vật tư phục vụ hoạt động xử lý chất thải rắn;

c) Đầu tư cho nghiên cứu phát triển và hoàn thiện công nghệ xử lý chất thải rắn.

2. Nội dung đầu tư hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn:

a) Đầu tư mua sắm trang thiết bị, xe chuyên dụng, các phương tiện khác phục vụ công tác thu gom và vận chuyển chất thải rắn.

b) Đầu tư xây dựng các trạm trung chuyển chất thải rắn.

3. Khuyến khích đối với những tổ chức tham gia cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn đảm bảo đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy định hiện hành.

4. Chủ đầu tư các cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường tập trung; xử lý chất thải nguy hại, đồng xử lý chất thải nguy hại được hưởng ưu đãi và hỗ trợ như quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 212/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động bảo vệ môi trường quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2

năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chương III

HỆ THỐNG THU GOM CHẤT THẢI RẮN

Điều 7. Hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Việc thu gom chất thải rắn sinh hoạt trực tiếp từ nguồn phát sinh trên địa bàn tỉnh được thực hiện như sau:

a) Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình, hộ kinh doanh nhỏ lẻ được đơn vị thu gom do Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập và quản lý để thu gom, vận chuyển đến điểm tập kết hoặc trạm trung chuyển;

b) Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ trụ sở làm việc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, công an, quân đội; trường học, nhà trẻ; bệnh viện, bến xe, bến tàu; Cửa hàng, nhà hàng kinh doanh ăn uống, khách sạn, hộ kinh doanh có quy mô lớn; công trình xây dựng sẽ được đơn vị thu gom do Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập, quản lý hoặc đơn vị trúng thầu hoặc đơn vị được đặt hàng thu gom vận chuyển về trạm trung chuyển hoặc từ trạm trung chuyển đến cơ sở xử lý trên địa bàn.

2. Hệ thống và mô hình thu gom chất thải rắn sinh hoạt trực tiếp từ nguồn phát sinh được thực hiện đồng bộ trên toàn địa bàn tỉnh; trường hợp do đặc thù phát triển kinh tế - xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể điều chỉnh mô hình trên cho phù hợp với thực tiễn.

3. Việc vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ trạm trung chuyển đến cơ sở xử lý được thực hiện bởi các đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập hoặc đơn vị trúng thầu hoặc đơn vị được đặt hàng.

4. Các đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải từ các cơ sở kinh doanh, dịch vụ và từ trạm trung chuyển đến cơ sở xử lý phải đáp ứng đủ các yêu cầu thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn tỉnh như quy định tại Điều 12 Quy định này.

5. Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải phù hợp với quy hoạch quản lý chất thải rắn được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đáp ứng các yêu cầu như quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

Điều 8. Hệ thống thu gom chất thải rắn công nghiệp thông thường

1. Việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được thực hiện bởi các đơn vị thu gom đáp ứng đủ các yêu cầu thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường hoặc các Xí nghiệp/Công ty công trình công cộng.

2. Việc thu gom chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý của các cơ sở sản xuất trong khu công nghiệp sẽ do các đơn vị thu gom đáp ứng đủ các yêu cầu thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường.

3. Việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường của các cơ sở sản xuất ngoài khu công nghiệp sẽ do hoặc các Xí nghiệp/Công ty công trình công cộng trên địa bàn huyện hoặc các đơn vị đáp ứng các yêu cầu thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường thu gom, vận chuyển.

4. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được chuyển giao cho các cơ sở sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu sản xuất hoặc các đơn vị thu gom, vận chuyển đáp ứng đủ các yêu cầu như quy định tại Điều 19 Quy định này hoặc các cơ sở xử lý

được xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường hoặc đã hoạt động theo văn bản, giấy tờ của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

5. Việc chuyển giao, thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường cho các cơ sở sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu phải tuân thủ các quy định về thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường như quy định tại Điều 17, 18 và 19 của Quy định này.

6. Chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý do chủ nguồn thải chi trả theo hợp đồng dịch vụ đã ký kết giữa chủ nguồn thải và chủ thu gom, vận chuyển và xử lý.

Chương IV

QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Điều 9. Phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

1. Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn thành ba nhóm sau:

a) Nhóm hữu cơ dễ phân hủy (nhóm thức ăn thừa, lá cây, rau, củ, quả, xác động vật);

b) Nhóm có khả năng tái sử dụng, tái chế (nhóm giấy, nhựa, kim loại, cao su, ni long, thủy tinh);

c) Nhóm còn lại.

2. Chất thải rắn sinh hoạt sau khi được phân loại được lưu giữ trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa phù hợp, đảm bảo không để ngấm, rò rỉ nước rác và phát tán chất thải do gió.

Điều 10. Trách nhiệm của hộ gia đình, tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt

1. Thực hiện việc phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

2. Hộ gia đình, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm nộp phí vệ sinh như quy định tại Khoản 7, 8 Điều 4 Quy định này.

Điều 11. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải được thực hiện như quy định tại Điều 7 Quy định này.

2. Chất thải rắn sinh hoạt phải được thu gom theo tuyến để vận chuyển tới điểm tập kết, trạm trung chuyển và cơ sở xử lý chất thải rắn theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trên các đường phố chính, các khu thương mại, các công viên, quảng trường, các điểm tập trung dân cư, các đầu mối giao thông và các khu vực công cộng khác phải bố trí các thiết bị lưu chứa phù hợp và điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt. Vị trí bố trí các điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt do Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định.

4. Các thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt phải có kích cỡ phù hợp với thời gian lưu giữ. Các thiết bị lưu chứa tại các khu vực công cộng phải bảo đảm tính mỹ quan, không gây rò rỉ, phát tán chất thải.

5. Trong quá trình vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải bảo đảm không làm rơi vãi chất thải, gây phát tán bụi, mùi, nước rò rỉ.

Điều 12. Yêu cầu về kỹ thuật đối với phương tiện thu gom, vận chuyển; điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Phương tiện thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt:

a) Số lượng phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải phù hợp với quãng đường, số lượng các điểm thu gom, khối lượng chất thải thu gom;

b) Các phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tương tự các phương tiện vận chuyển hàng hóa cùng loại theo quy định của pháp luật;

c) Yêu cầu đặc thù cho một số phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt như sau: xe tải thùng lắp cố định; xe tải thùng hở phải được phủ bạt kín che nắng, mưa sau khi chứa chất thải rắn sinh hoạt; xe 3 bánh phải đảm bảo không được rơi vãi trong quá trình vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; các phương tiện phải có thiết bị nhằm khống chế việc rò rỉ của nước rỉ rác ra môi trường;

d) Thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt lắp cố định hoặc có thể tháo rời trên phương tiện vận chuyển phải có kết cấu cứng, chịu được va chạm đảm bảo không bị biến dạng, hư hỏng, rách vỡ; bao bì mềm được buộc kín và bao bì cứng có nắp đậy kín để đảm bảo không phát tán mùi; đảm bảo lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt không được ngấm, rò rỉ nước rác;

đ) Phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đang hoạt động phải sơn dòng chữ "VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT" màu vàng với kích thước chữ tối thiểu là 15cm, và được trang bị như sau: các dụng cụ cứu hỏa (ít nhất là bình bột dập lửa) theo quy định về phòng cháy chữa cháy; hộp sơ cứu vết thương; thiết bị thông tin liên lạc (điện thoại di động hoặc bộ đàm); biển thông báo sự cố cho các đối tượng giao thông khác trong trường hợp sự cố trên đường.

2. Điểm tập kết, trạm trung chuyển, khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

a) Điểm tập kết phải có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt; có sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, bằng vật liệu chống thấm;

b) Khu vực lưu giữ tạm thời hoặc trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt không bắt buộc phải xây dựng dưới dạng kho nhưng phải đáp ứng các quy định sau: có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt, mặt sàn trong khu vực lưu giữ được thiết kế để tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, bằng vật liệu chống thấm; mặt sàn có độ dốc phù hợp để đảm bảo toàn bộ nước rỉ rác phát sinh tập trung về hố thu; có hố thu gom nước rỉ rác đảm bảo thu toàn bộ lượng nước rỉ rác phát sinh tại khu vực lưu giữ; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ;

c) Khu vực lưu giữ tạm thời hoặc trung chuyển phải được trang bị như sau: thiết bị phòng cháy chữa cháy được trang bị đầy đủ theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; hộp sơ cứu vết thương; thiết bị thông tin liên lạc (điện thoại cố định hoặc bộ đàm); thiết bị báo động (như còi, keng, loa...).

Điều 13. Trách nhiệm của chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Trách nhiệm của chủ thu gom, vận chuyển thu gom từ các hộ dân:

a) Bảo đảm phương tiện và nhân lực để thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn;

b) Thông báo rộng rãi về thời gian, địa điểm, tần suất thu gom chất thải rắn sinh hoạt;

c) Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến điểm tập kết, trạm trung chuyển bằng các phương tiện, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật như quy định tại Khoản 1 Điều 12 Quy định này;

d) Chịu trách nhiệm về tình trạng rơi vãi chất thải rắn sinh hoạt, gây phát tán bụi, mùi hoặc nước rò rỉ gây ảnh hưởng xấu đến môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển.

2. Trách nhiệm của chủ thu gom, vận chuyển từ các chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt và nơi công cộng:

a) Bảo đảm đủ yêu cầu về nhân lực, phương tiện và thiết bị chuyên dụng để thu gom, vận chuyển toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt tại những địa điểm đã quy định;

b) Thông báo rộng rãi về thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại các điểm dân cư;

c) Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến điểm tập kết, trạm trung chuyển hoặc cơ sở xử lý bằng các phương tiện, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật như quy định tại Khoản 1 Điều 12 Quy định này;

d) Chịu trách nhiệm về tình trạng rơi vãi chất thải rắn sinh hoạt, gây phát tán bụi, mùi hoặc nước rò rỉ gây ảnh hưởng xấu đến môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển;

đ) Chỉ ký hợp đồng với chủ xử lý chất thải có cơ sở xử lý trên địa bàn tỉnh đáp ứng các yêu cầu sau:

- Được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường hoặc cấp phép xử lý chất thải nguy hại (trong trường hợp cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt kết hợp với xử lý chất thải nguy hại);

- Hoặc đã được kiểm tra xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường hoặc đã hoạt động theo văn bản, giấy tờ của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trước ngày Quy định này có hiệu lực;

e) Đào tạo nghiệp vụ, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt;

g) Tổ chức khám bệnh định kỳ, bảo đảm các chế độ cho người lao động tham gia thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định;

h) Báo cáo quản lý chất thải rắn sinh hoạt định kỳ hàng năm theo quy định và báo cáo đột xuất theo yêu cầu;

i) Khuyến khích các chủ thu gom, vận chuyển phân loại chất thải nguy hại khỏi chất thải rắn sinh hoạt tại các điểm tập kết, trạm trung chuyển. Việc quản lý chất thải nguy hại được thực hiện theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại. Kinh phí quản lý và xử lý chất thải nguy hại tách ra từ chất thải rắn sinh hoạt của các hộ dân được lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường.

Điều 14. Trách nhiệm của chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Thực hiện trách nhiệm của chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt như quy định tại Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

2. Xây dựng phương án giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt gửi Sở Tài chính thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt như quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

3. Chỉ ký hợp đồng tiếp nhận chất thải rắn với các chủ thu gom, vận chuyển đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Điều 12 Quy định này và gửi hồ sơ năng lực của chủ thu gom, vận chuyển về Sở Tài nguyên và Môi trường để cập nhật công bố danh sách các chủ thu gom, vận chuyển đủ điều kiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

4. Hàng năm báo cáo về tình hình tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt từ các chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

5. Trường hợp cải tạo, phục hồi môi trường khi đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt phải thực hiện theo đúng quy định tại Điều 23 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

Chương V

QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Điều 15. Phân loại, lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

1. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được phân định, phân loại tại nguồn phù hợp với mục đích quản lý, tái sử dụng, tái chế thành các nhóm như sau:

a) Nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu sản xuất. Các chất thải này phải phân riêng từng loại tương ứng với nguyên liệu cho quá trình sản xuất phù hợp;

b) Nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường sử dụng để sơ chế, tái chế làm nguyên liệu sản xuất;

c) Nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, tiêu hủy, thu hồi năng lượng.

2. Lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường trong các thiết bị và tại các điểm tập kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

Điều 16. Chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường có trách nhiệm:

1. Phân định, phân loại, lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định tại Điều 15 Quy định này.

2. Chỉ chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường cho một trong các đối tượng sau:

a) Chủ cơ sở sản xuất sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu sản xuất được cơ quan quản lý môi trường chấp thuận;

b) Chủ thu gom, vận chuyển thuộc danh mục đủ điều kiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường do Sở Tài nguyên và Môi trường công bố;

c) Chủ xử lý đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường hoặc đã hoạt động theo văn bản, giấy tờ của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Báo cáo quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường định kỳ hàng năm theo quy định và báo cáo đột xuất theo yêu cầu; trường hợp chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường đồng thời là chủ nguồn thải chất thải nguy hại, việc

thực hiện các báo cáo quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại được tích hợp với nhau.

4. Chỉ được tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 17. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường

1. Việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải tuân thủ như quy định tại Điều 8 Quy định này.

2. Việc thu gom, vận chuyển, trung chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải bảo đảm không được làm rơi vãi, gây phát tán bụi, mùi hoặc nước rò rỉ và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định.

3. Các chủ xử lý chất thải nguy hại đã được cấp Giấy phép xử lý chất thải nguy hại được phép thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường.

Điều 18. Yêu cầu kỹ thuật đối với thiết bị lưu giữ, điểm tập kết, trạm trung chuyển, khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

1. Thiết bị lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đảm bảo lưu giữ an toàn chất thải rắn công nghiệp thông thường, không bị hư hỏng, rách vỡ;

b) Bao bì mềm được buộc kín và bao bì cứng có nắp đậy kín để đảm bảo ngăn chất thải rò rỉ hoặc rơi vãi;

c) Đảm bảo lưu giữ an toàn chất thải rắn công nghiệp thông thường để tránh phát tán hoặc rò rỉ ra môi trường;

d) Kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng.

2. Trạm trung chuyển, khu vực lưu giữ tạm thời (nếu có) không bắt buộc phải xây dựng dưới dạng kho nhưng phải đáp ứng các quy định sau:

a) Có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt;

b) Mặt sàn đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; mặt sàn có độ dốc phù hợp để đảm bảo toàn bộ nước rỉ rác phát sinh (nếu có) tập trung về hồ thu; hồ thu gom nước rỉ rác, đảm bảo thu toàn bộ lượng nước rỉ rác phát sinh tại khu vực lưu giữ;

c) Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ;

d) Khu vực lưu giữ tạm thời hoặc trạm trung chuyển nếu xây dựng theo dạng nhà kho thì phải đáp ứng Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4317:86 - Nhà kho - Nguyên tắc cơ bản thiết kế hoặc tiêu chuẩn quốc tế tương đương hoặc cao hơn;

đ) Trường hợp lưu giữ ngoài trời thì phải có hệ thống thu gom và biện pháp xử lý nước mưa chảy tràn, nước thải phát sinh trong quá trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường; Có cao độ nền đảm bảo không bị ngập lụt; nền bảo đảm kín khít, không rạn nứt, không bị thấm thấu, đủ độ bền chịu được tải trọng của phương tiện vận chuyển và lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường lưu giữ; và có biện pháp giảm thiểu bụi phát sinh từ bãi lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường;

e) Có trang bị trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

Điều 19. Yêu cầu kỹ thuật đối với các phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường

1. Các phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tương tự các phương tiện vận chuyển hàng hoá cùng loại theo quy định của pháp luật.

2. Thiết bị lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường lắp cố định hoặc có thể tháo rời trên phương tiện vận chuyển phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Quy định này.

3. Yêu cầu đặc thù cho một số loại phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường như sau:

a) Xe tải thùng lắp cố định có lắp đặt thùng hoặc hộp thu chất lỏng để tránh rơi vãi, rò rỉ;

b) Xe tải thùng hở phải được phủ bạt kín che nắng, mưa sau khi chứa thải rắn công nghiệp thông thường.

4. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường khi đang hoạt động phải được trang bị như sau:

a) Có dòng chữ “VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP” ở hai bên thành của phương tiện với chiều cao ít nhất là 15 cm kèm theo tên cơ sở, địa chỉ, số điện thoại liên hệ;

b) Các bản hướng dẫn rút gọn về quy trình vận hành an toàn phương tiện vận chuyển, quy trình ứng phó sự cố (kèm theo danh sách điện thoại của các cơ quan quản lý môi trường, công an, cấp cứu, cứu hoả của các địa phương trên địa bàn hoạt động), nội quy về an toàn lao động và bảo vệ sức khoẻ (kèm theo yêu cầu về thiết bị bảo hộ cá nhân) đặt ở cabin hoặc khu vực điều khiển theo quy định của pháp luật, được in rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ.

Điều 20. Trách nhiệm của chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường

1. Bảo đảm các phương tiện vận chuyển, thiết bị lưu chứa, trạm trung chuyển, khu vực lưu giữ tạm thời chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật như quy định tại Điều 19 Quy định này.

2. Bảo đảm không được làm rơi vãi, gây phát tán bụi, mùi hoặc nước rò rỉ trong quá trình thu gom, vận chuyển, trung chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường.

3. Ký hợp đồng chuyển giao với chủ cơ sở sản xuất hoặc chủ xử lý chất thải công nghiệp thông thường được phép hoạt động theo quy định của pháp luật. Tuyệt đối không được chuyển giao, đổ thải chất thải rắn công nghiệp thông thường vào các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

4. Gửi hợp đồng và hồ sơ năng lực (bao gồm giấy phép đăng ký kinh doanh, giấy tờ xe, các hình ảnh minh họa về xe vận chuyển) và các giấy tờ liên quan (trường hợp chuyển giao cho cơ sở sản xuất sử dụng trực tiếp) về Sở Tài nguyên và Môi trường để cập nhật vào danh sách các chủ thu gom, vận chuyển chất thải công nghiệp đủ điều kiện thu gom, vận chuyển trên địa bàn tỉnh.

5. Báo cáo quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường định kỳ hàng năm theo quy định và báo cáo đột xuất theo yêu cầu; trường hợp tổ chức, cá nhân thu

gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường đồng thời thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc chất thải nguy hại, việc thực hiện báo cáo liên quan đến quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại được tích hợp với nhau.

Điều 21. Trách nhiệm của chủ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

1. Lập hồ sơ đăng ký để được xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường. Các trường hợp sau thì phải có phương án trình cơ quan nhà nước về bảo vệ môi trường xem xét, chấp thuận trước khi triển khai hoạt động:

a) Cơ sở sản xuất đã đưa vào hoạt động theo đúng quy định của pháp luật có nhu cầu bổ sung hoạt động đồng xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường dựa trên công nghệ sản xuất sẵn có mà không thuộc đối tượng phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường;

b) Cơ sở xử lý chất thải đã đưa vào hoạt động theo đúng quy định của pháp luật có nhu cầu cải tạo, nâng cấp với công nghệ tiên tiến hơn để giảm hoặc không làm gia tăng tác động xấu đến môi trường, nâng cao hiệu quả xử lý, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng mà không thuộc đối tượng phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2. Xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phù hợp với địa bàn hoạt động, công suất, loại chất thải, các hệ thống, thiết bị xử lý chất thải đã được đầu tư xây dựng, lắp đặt và xác nhận. Chỉ ký hợp đồng tiếp nhận chất thải rắn với các chủ thu gom, vận chuyển đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Điều 19 Quy định này.

3. Trường hợp có phát sinh chất thải nguy hại từ cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, phải thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định.

4. Thực hiện đầy đủ các nội dung xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường và hồ sơ đề nghị xác nhận bảo đảm yêu cầu đối với cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường kèm theo nội dung Giấy xác nhận. Hồ sơ này là căn cứ cụ thể cho hoạt động quản lý, giám sát môi trường đối với chủ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.

5. Lập, sử dụng, lưu trữ và quản lý báo cáo, hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến công tác quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định, trường hợp chủ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường đồng thời là chủ xử lý chất thải nguy hại hoặc chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt thì được tích hợp các báo cáo, hồ sơ, tài liệu, nhật ký cho cả việc quản lý chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường.

6. Áp dụng tiêu chuẩn quốc gia về hệ thống quản lý môi trường (TCVN ISO 14001) theo lộ trình như quy định tại Nghị định 38/2015/NĐ-CP

7. Thực hiện kế hoạch kiểm soát ô nhiễm và phục hồi môi trường, đồng thời thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường trong thời gian không quá 06 (sáu) tháng kể từ khi chấm dứt hoạt động.

Chương VI

QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN TỪ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG VÀ Bùn THẢI

Điều 22. Quản lý chất thải rắn từ hoạt động xây dựng

1. Chất thải rắn từ hoạt động xây dựng (kể cả cải tạo, phá dỡ công trình, gọi chung là chất thải rắn xây dựng) phải được phân loại và quản lý như sau:

a) Đất, đất bùn thải từ hoạt động đào đất, nạo vét lớp đất mặt, đào cọc móng được sử dụng để bồi đắp cho đất trồng cây hoặc các khu vực đất phù hợp;

b) Đất đá, chất thải rắn từ vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa, bê tông, vật liệu kết dính quá hạn sử dụng) được tái chế làm vật liệu xây dựng hoặc tái sử dụng làm vật liệu san lấp cho các công trình xây dựng hoặc chôn lấp trong bãi chôn lấp chất thải rắn xây dựng;

c) Chất thải rắn có khả năng tái chế như thủy tinh, sắt thép, gỗ, giấy, chất dẻo được tái chế, tái sử dụng và quản lý như chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2. Hộ gia đình tại đô thị khi tiến hành các hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng phải có biện pháp thu gom, vận chuyển xử lý chất thải rắn xây dựng theo quy định.

3. Hộ gia đình tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa có hệ thống thu gom chất thải khi tiến hành các hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng phải thực hiện quản lý chất thải xây dựng theo hướng dẫn của chính quyền địa phương, không được đổ chất thải ra đường, sông ngòi, suối, kênh rạch và các nguồn nước mặt.

4. Hộ gia đình hoặc chủ thầu xây dựng hoặc Chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn từ hoạt động xây dựng phải chuyển giao chất thải rắn từ hoạt động xây dựng cho một trong các đối tượng sau:

a) Chủ cơ sở sản xuất sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu được cơ quan quản lý môi trường chấp thuận;

b) Chủ thu gom, vận chuyển thuộc danh mục đủ điều kiện thu gom thuộc danh mục do Sở Tài nguyên và Môi trường công bố;

c) Chủ xử lý đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường hoặc đã hoạt động theo văn bản, giấy tờ của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

d) Chủ mặt bằng san lấp có phương án san lấp được cơ quan có thẩm quyền về môi trường chấp thuận.

Điều 23. Quản lý bùn thải

1. Bùn thải phải được phân loại để quản lý và lựa chọn công nghệ xử lý phù hợp, góp phần giảm chi phí vận chuyển, chi phí xử lý và thuận tiện trong quản lý, vận hành bãi chôn lấp. Bùn thải được phân loại như sau:

a) Theo nguồn gốc bùn thải: Bùn thải từ hệ thống thoát nước (mạng lưới thoát nước và nhà máy xử lý nước thải) và bùn thải từ bể tự hoại;

b) Theo mức độ ô nhiễm của từng loại bùn thải;

c) Theo ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải từ hệ thống thoát nước:

a) Bùn thải được thu gom, lưu giữ và vận chuyển đến các địa điểm xử lý theo quy hoạch hoặc các địa điểm đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép để xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định; không được phép xả thải bùn thải chưa qua xử lý ra môi trường. Trong trường hợp bùn thải có các thành phần nguy hại thì phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT;

b) Việc xử lý và tái sử dụng bùn thải được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

c) Đơn vị thoát nước có trách nhiệm:

- Phải thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải từ hệ thống thoát nước do mình quản lý;

- Lập hồ sơ quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước;

- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải theo quy định;

- Khảo sát, đánh giá nhu cầu và khả năng sử dụng bùn thải sau xử lý, lập kế hoạch sử dụng bùn thải sau xử lý trình chủ sở hữu phê duyệt;

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện kế hoạch đã phê duyệt;

d) Khi đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải phải có các giải pháp thu gom và xử lý bùn thải phù hợp.

3. Thông hút, vận chuyển và xử lý bùn thải từ bể tự hoại:

a) Bùn thải từ các hộ gia đình, các cơ quan hành chính, các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ phải được thông hút định kỳ;

b) Các phương tiện, trang thiết bị thông hút, thu gom và vận chuyển bùn thải từ bể tự hoại phải là các phương tiện chuyên dùng được phép hoạt động theo quy định của pháp luật về giao thông và bảo vệ môi trường;

c) Nghiêm cấm xả thẳng bùn thải từ bể tự hoại vào hệ thống thoát nước, kênh rạch, ao hồ cũng như môi trường xung quanh;

d) Đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển bùn thải từ bể tự hoại có trách nhiệm:

- Lập hồ sơ quản lý khách hàng;

- Bùn thải từ bể tự hoại phải được vận chuyển đến khu xử lý tập trung đã được quy hoạch hoặc vị trí do cơ quan có thẩm quyền cho phép; khuyến khích xử lý bùn thải từ bể tự hoại tại các nhà máy xử lý nước thải tập trung và nhà máy làm phân compost trên cơ sở khả năng tiếp nhận xử lý của nhà máy, các điều kiện về môi trường và chi phí xử lý hợp lý;

- Chi phí thông hút, vận chuyển và xử lý bùn thải từ bể tự hoại do các chủ hộ gia đình, cơ quan hành chính và cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ chi trả hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ;

- Ký hợp đồng chuyển giao với các đơn vị xử lý bùn thải từ bể tự hoại trên địa bàn tỉnh;

- Lập nhật ký công tác, hồ sơ quản lý việc thu gom, vận chuyển bùn thải từ bể tự hoại và báo cáo định kỳ với Sở Xây dựng và Sở Tài nguyên và Môi trường, phải chịu trách nhiệm khi có sự cố xảy ra như làm phát tán, rò rỉ bùn thải từ bể tự hoại gây ô nhiễm môi trường.

- Bùn thải từ bể tự hoại được vận chuyển bằng phương tiện chuyên dụng và các phương tiện này đảm bảo các yêu cầu an toàn kỹ thuật sau: bền vững cơ học và hóa học khi vận hành; không gây rò rỉ, phát tán bùn, mùi ra môi trường; có các biện pháp xử lý sự cố khi vận hành;

- Gửi hợp đồng và hồ sơ năng lực (bao gồm giấy phép đăng ký kinh doanh, giấy tờ xe, các hình ảnh minh họa về xe vận chuyển) về Sở Tài nguyên và Môi trường để cập nhật vào danh sách các chủ thu gom, vận chuyển bùn thải từ bể tự hoại đủ điều kiện thu gom, vận chuyển trên địa bàn tỉnh.

đ) Đơn vị xử lý bùn thải từ bể tự hoại có trách nhiệm:

- Tiếp nhận và xử lý an toàn bùn thải từ bể tự hoại từ các chủ nguồn thải, từ đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển phân bùn thải từ bể tự hoại trên cơ sở hợp đồng được ký kết giữa các bên;

- Lập hồ sơ theo dõi lượng bùn thải từ bể tự hoại tiếp nhận để xử lý;

- Xử lý bùn thải từ bể tự hoại phải bảo đảm các quy định về môi trường; các loại khí thải, nước thải, bùn, tro, xỉ phải được phân tích, quan trắc nhằm đánh giá, theo dõi đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn quy định.

- Báo cáo định kỳ với Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình tiếp nhận, xử lý bùn thải từ bể tự hoại.

4. Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải trong trường hợp có các thành phần nguy hại thì phải được quản lý theo các quy định đối với chất thải nguy hại.

Chương VII

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN

Điều 24. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thống nhất quản lý nhà nước đối với chất thải rắn bao gồm: chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải khu công nghiệp, cơ sở sản xuất và có trách nhiệm sau:

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các quy định, chính sách, liên quan đến hoạt động quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, và chất thải rắn sinh hoạt.

2. Tổ chức truyền thông, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức người dân về quản lý chất thải rắn.

3. Tổ chức quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Tổ chức quản lý, kiểm tra các hoạt động, các hồ sơ, hợp đồng, báo cáo liên quan đến các chủ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường do Ủy ban nhân dân tỉnh xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường;

b) Tổ chức thanh, kiểm tra các hoạt động phát sinh, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường;

c) Hàng năm cập nhật và công bố danh sách các cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đủ điều kiện thu gom, vận chuyển trên địa bàn tỉnh;

d) Tổ chức cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về chất thải rắn công nghiệp thông thường; tăng cường sử dụng hệ thống thông tin hoặc thư điện tử để thông báo, hướng dẫn, trao đổi với tổ chức, cá nhân trong quá trình xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Hàng năm thống kê, cập nhật về tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường tại địa phương và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, theo dõi; thời hạn của báo cáo trước ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo.

4. Tổ chức quản lý chất thải rắn sinh hoạt

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các quy định cụ thể về quản lý chất thải rắn sinh hoạt; các cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ để khuyến khích việc thu gom, vận chuyển và đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

b) Tổ chức thanh, kiểm tra hoạt động trung chuyển, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

c) Tổng hợp kế hoạch hàng năm cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh và trình Ủy ban nhân dân tỉnh để bố trí kinh phí thực hiện phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh;

d) Tổ chức triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, xây dựng và ban hành quy định về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn;

đ) Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng về tình hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn, thời điểm báo cáo trước ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo.

5. Tổ chức xác nhận, điều chỉnh xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; Tổ chức kiểm tra các hoạt động vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

6. Phối hợp với Sở Xây dựng trong công tác quy hoạch, đầu tư các cơ sở xử lý chất thải rắn theo quy định; trong quản lý hoạt động phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải.

7. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trong quản lý các hoạt động phân loại, lưu giữ các bao bì, hóa chất bảo vệ thực vật, phân bón, thuốc thú y thải phát sinh trong hoạt động nông nghiệp; trong quản lý bùn nạo vét từ kênh, mương và các công trình thủy lợi; trong việc ứng dụng phân compost để bón cây.

8. Phối hợp với Sở Tài chính và Sở Xây dựng trong công tác thẩm định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn.

Điều 25. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Sở Xây dựng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý nhà nước trong quy hoạch, đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn, quản lý nhà nước

trực tiếp đối với chất thải rắn từ hoạt động xây dựng, bùn thải từ bể tự hoại, bùn thải từ hệ thống thoát nước đô thị và có trách nhiệm sau:

1. Chủ trì, phối hợp với các ngành xây dựng hoặc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xử lý chất thải rắn và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổ chức công bố, công khai quy hoạch quản lý chất thải rắn, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện.

2. Chủ trì xây dựng kế hoạch, chương trình, chỉ tiêu và cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được phê duyệt.

3. Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, vận động, khai thác các nguồn lực để phát triển quy hoạch xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh văn bản thẩm tra hoặc đóng góp ý kiến đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được phê duyệt.

5. Chủ trì, trực tiếp quản lý các hoạt động đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc lựa chọn nhà đầu tư cơ sở xử lý chất thải.

6. Chủ trì quản lý các hoạt động phát thải, thu gom, vận chuyển, lưu giữ, tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải rắn xây dựng.

7. Chủ trì quản lý bùn thải từ bể tự hoại, bùn thải từ hệ thống thoát nước đô thị; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong quản lý hoạt động xử lý bùn thải từ bể tự hoại, bùn thải từ hệ thống thoát nước đô thị.

8. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc phục hồi, tái sử dụng diện tích, chuyển đổi mục đích sử dụng và quan trắc môi trường của các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau khi kết thúc hoạt động.

9. Xây dựng các quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng về thu gom, vận chuyển và xử lý, suất vốn đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải.

10. Kiểm tra, giám sát việc xây dựng các bãi chôn lấp và trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo đúng tiêu chuẩn đã đề ra.

Điều 26. Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng trong việc thẩm định công nghệ xử lý, tái chế, tái sử dụng được áp dụng lần đầu trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định các phương án tái chế, đồng xử lý chất thải của các cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh.

Điều 27. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung biên chế quản lý chất thải rắn cho Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện.

Điều 28. Trách nhiệm của Ban quản lý các Khu công nghiệp và Ban quản lý Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong thực hiện công tác quản lý chất thải rắn bao gồm các hoạt động: triển khai công tác phân loại rác tại nguồn trong các Khu công nghiệp; truyền thông, tuyên truyền về quản lý chất thải; xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu về chất thải rắn và kiểm tra các hoạt động liên quan đến quản lý chất thải rắn trong các khu công nghiệp.

Điều 29. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và đầu tư

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn hằng năm cho công tác kiện toàn hệ thống quản lý chất thải rắn đô thị Bình Dương. Đồng thời, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện lập các dự án đầu tư nằm trong chương trình, kế hoạch thu gom, xử lý rác, các trạm trung chuyển rác.

Điều 30. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức thẩm định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các chủ đầu tư và các ngành liên quan tổ chức thẩm định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán kinh phí thường xuyên hàng năm cho công tác kiện toàn hệ thống bộ máy quản lý; kinh phí mua sắm trang thiết bị đảm bảo công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn của các đơn vị sự nghiệp do nhà nước quản lý theo phân cấp hiện hành. Cấp kinh phí cho các hoạt động quản lý chất thải rắn.

Điều 31. Trách nhiệm của Cục thuế tỉnh

Tổ chức triển khai các quy định về ưu đãi thuế đối với hoạt động xử lý chất thải rắn theo quy định.

Điều 32. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức hoạt động quản lý chất thải rắn trên địa bàn.

2. Căn cứ vào mô hình do Sở Nội vụ quy định, cơ cấu lại tổ chức hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp tại địa phương.

3. Đầu tư mua trang thiết bị đảm bảo thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

4. Tổ chức truyền thông, tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư địa phương.

5. Ban hành giá thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý.

6. Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện

a) Quản lý các hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt, công nghiệp thông thường trên địa bàn quản lý;

b) Tổ chức kiểm tra hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn quản lý;

c) Lập kế hoạch hàng năm cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 20 tháng 6 để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Tổ chức đấu thầu theo quy trình quy định thu gom chất thải rắn trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố hoặc ký hợp đồng đặt hàng với đơn vị vận chuyển tại địa bàn quản lý;

đ) Giám sát thành phần và khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn; kiểm tra, giám sát không để tình trạng chất thải rắn công nghiệp thông thường đổ vào các điểm tập kết hay các trạm trung chuyển. Kiểm tra, giám sát chất lượng vệ sinh trong các hoạt động thu gom, vận chuyển trên địa bàn của từng huyện, thị xã đối với chất thải rắn sinh hoạt;

e) Phối hợp với Phòng Quản lý đô thị cấp huyện trong quản lý các hoạt động quản lý chất thải rắn xây dựng và bùn thải từ bể tự hoại, bùn thải từ hệ thống thoát nước đô thị; trong việc xây dựng quy hoạch các điểm tập trung, tập kết và trạm trung chuyển chất thải trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố;

g) Triển khai các chương trình truyền thông, tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư địa phương;

h) Hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc kiểm tra, xử lý các trường hợp thải bỏ chất thải không đúng quy định;

i) Tổ chức giám sát, xác nhận khối lượng chất thải nguy hại được tách ra từ chất thải rắn sinh hoạt tại các trạm trung chuyển.

7. Chỉ đạo Phòng Quản lý đô thị cấp huyện

a) Quản lý kiểm tra hoạt động phát sinh, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trong xây dựng; không để chất thải rắn xả bừa bãi hoặc sử dụng sai quy định;

b) Quản lý các hoạt động phát sinh, thu gom, bùn thải từ bể tự hoại, bùn thải từ hệ thống thoát nước đô thị trên địa bàn;

c) Quy hoạch các điểm tập trung, tập kết và trạm trung chuyển chất thải trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

8. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức, tuyên truyền, vận động người dân thu gom và bỏ rác đúng nơi quy định;

b) Triển khai phân loại rác tại nguồn; tổ chức và quản lý các đội rác dân lập hoạt động thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn;

c) Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cộng đồng dân cư giám sát quá trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn mình;

d) Tổ chức kiểm tra, xử lý các trường hợp thải bỏ chất thải không đúng quy định.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Điều khoản chuyển tiếp

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức sắp xếp hoàn thiện hệ thống quản lý chất rắn trên địa bàn theo mô hình quản lý như quy định này trong thời gian 06 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

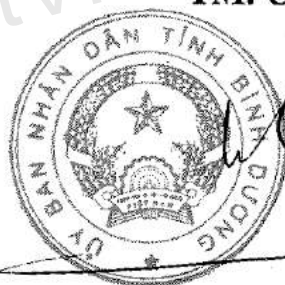
2. Các tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm chuyển đổi phương tiện thu gom, vận chuyển đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đối với phương tiện thu gom, vận chuyển; điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt như quy định tại Điều 12 Quy định này trong vòng 24 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực. Giao Quỹ Bảo vệ môi trường hỗ trợ các tổ chức chuyển đổi phương tiện thu gom, vận chuyển đáp ứng yêu cầu quy định.

3. Các tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường có trách nhiệm cải tạo hoặc chuyển đổi phương tiện thu gom, vận chuyển đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đối với các phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường như quy định tại Điều 19 Quy định này trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 34. Trách nhiệm thi hành

Các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này nếu gặp khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan có văn bản phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Liêm